

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại phường Hương Mạc, phường Phù Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh”

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 198/TTr-SNNMT ngày 13/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại phường Hương Mạc, phường Phù Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh” (sau đây gọi là Dự án) của Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản Taseco và Công ty Cổ phần HNG Holdings¹ (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

¹ Thỏa thuận Liên danh ngày 12/04/2025 giữa Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco và Công ty Cổ phần HNG Holdings; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0104079036, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 12/08/2022; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0110990134, do Phòng Đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/03/2025;

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định được thành lập theo Quyết định số 1125/QĐ-SNNMT ngày 11/12/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ dự án “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại phường Hương Mạc, phường Phù Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Xây dựng; UBND xã Phù Khê; Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản Taseco và Công ty Cổ phần HNG Holdings và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN Tân

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG “DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI TẠI PHƯỜNG HƯƠNG MẠC, PHƯỜNG
PHÙ KHÊ, THÀNH PHỐ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH”

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại phường Hương Mạc, phường Phù Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
- Địa điểm thực hiện: Xã Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh.
- Chủ dự án đầu tư: Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản Taseco và Công ty Cổ phần HNG Holdings.

(Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco đại diện liên danh, theo Thỏa thuận Liên danh ngày 12/04/2025 giữa Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco và Công ty Cổ phần HNG Holdings).

1.2. Quy mô, công suất

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: Khoảng 30,47 ha; Dự kiến nhu cầu sử dụng đất như sau:

STT	Hạng mục	Diện tích khoảng (m ²)	Tỷ lệ khoảng (%)
1	Đất nhà ở	118.113	38,76
1.1	Đất nhà ở liền kề và nhà ở liền kề TM	50.184	16,47
1.2	Đất nhà ở biệt thự	40.991	13,45
1.3	Đất nhà ở xã hội	23.624	7,75
1.4	Đất hỗn hợp có ở	3.314	1,09
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	48.168	15,81
2.1	Đất văn hóa	1.238	0,41
2.2	Đất y tế	844	0,28
2.3	Đất giáo dục	4.463	1,46
2.4	Đất cây xanh, thể dục thể thao	39.594	12,99
2.5	Đất thương mại	2.029	0,67
3	Đất bãi đỗ xe	2.183	0,72
4	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	1.400	0,46
5	Đất an ninh (trụ sở PCCC, nhà thường trực...)	879	0,29
6	Mặt nước cảnh quan	5.814	1,91
7	Đất giao thông	128.202	42,07
	Tổng	304.759	100

Đối với diện tích quỹ đất để xây dựng nhà ở xã hội: Theo Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000, bố trí quỹ đất khoảng 2,36 ha. Nhà đầu tư được lựa chọn có trách nhiệm đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, bàn giao cho UBND xã Phù Khê tiếp nhận, quản lý, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

- Quy mô dân số: Khoảng 7.302 người.

- Quy mô kiến trúc xây dựng và sản phẩm dự kiến cung cấp:

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật trên quy mô dự án khoảng 30,47 ha theo quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 được cấp thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Công trình giao thông, san nền, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, chiếu sáng công cộng, thoát nước mưa, thoát nước thải, xử lý nước thải, khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe...

+ Công trình nhà ở: Nhà ở thấp tầng, nhà ở hỗn hợp với tổng diện tích sàn nhà ở khoảng 315.855 m².

+ Công trình hạ tầng xã hội gồm: Công trình Trường học, Y tế; Công trình thể dục thể thao; Bãi đỗ xe; Cây xanh...

- Sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng trong và ngoài phạm vi dự án; phân hạ tầng mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phân hạ tầng mà nhà đầu tư bàn giao cho địa phương:

+ Các tuyến đường giao thông cấp khu vực, hạ tầng kỹ thuật cấp đô thị: Bàn giao cho cơ quan nhà nước tiếp nhận để quản lý, vận hành sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

+ Các tuyến đường giao thông nội bộ: Nhà đầu tư khai thác, quản lý vận hành sau đầu tư trên cơ sở đảm bảo quy hoạch, đấu nối phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực, không làm ảnh hưởng, cản trở đến giao thông và cuộc sống bình thường của người dân.

+ Đối với các khu vực giáp ranh dự án: Nhà đầu tư đầu tư xây dựng và phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan để khớp nối hệ thống đường giao thông (đảm bảo tính liên tục, không làm rào cản), công viên cây xanh, công trình công cộng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật... để người dân khu vực lân cận được tiếp cận với hệ thống hạ tầng xã hội cấp khu vực của dự án; bố trí các điểm thu nước mưa, nước thải, rác thải từ các khu dân cư hiện trạng lân cận vào dự án theo quy hoạch phân khu được phê duyệt, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và ứng ngập cục bộ.

+ Các tuyến đường giao thông nội bộ; các công trình hạ tầng xã hội: Công trình văn hóa, Công trình thể thao, Công trình giáo dục, Công trình y tế, Công trình bãi đỗ xe, công trình thương mại: Nhà đầu tư đầu tư quản lý, kinh doanh và vận hành.

+ Khu đất nhà ở xã hội, khu đất an ninh: Nhà đầu tư bàn giao cho UBND xã Phù Khê tiếp nhận, quản lý theo quy định.

1.3. Công nghệ sản xuất: Dự án không thuộc loại hình sản xuất.

1.4. Phạm vi: Dự án thực hiện tại xã Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh với tổng diện tích đất thực hiện khoảng 30,47 ha.

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án:

a) Hạng mục công trình chính

+ Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, gồm: Công trình giao thông, san nền, viễn thông thụ động, cấp điện, cấp nước, chiếu sáng công cộng, thoát nước mưa, thoát nước thải, xử lý nước thải,...

+ Khu nhà ở thấp tầng: Gồm nhà ở liền kề có tầng cao tối đa 05 tầng, mật độ xây dựng tối đa 85%; nhà ở biệt thự có số tầng cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 65%;

+ Khu nhà ở chung cư (nhà ở xã hội) có tầng cao tối đa là 12 tầng, mật độ xây dựng tối đa là 37%;

+ Khu nhà chung cư hỗn hợp có tầng cao tối đa là 20 tầng, mật độ xây dựng tối đa là 60%;

+ Công trình giáo dục (trường mầm non) có tầng cao tối đa là 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%;

+ Công trình nhà văn hóa có tầng cao tối đa là 2 tầng, mật độ xây dựng tối đa là 40%;

+ Công trình y tế có tầng cao tối đa là 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa là 40%;

+ Công trình thể dục, thể thao gồm các sân tập luyện thể thao, công trình thể dục thể thao kết hợp hệ thống cây xanh sử dụng công cộng, mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao tối đa 01 tầng.

+ Cây xanh sử dụng công cộng đơn vị ở được bố trí cây xanh vườn hoa tập chung và xung quanh các khu ở nhằm tăng cường diện tích cây xanh, nâng cao cảnh quan khu vực, đáp ứng nhu cầu ở, vui chơi giải trí. Mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao tối đa 01 tầng.

+ Cây xanh, mặt nước sử dụng công cộng đô thị được bố trí phù hợp với quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 phân khu số 8 được duyệt có mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao tối đa 01 tầng;

+ Công trình thương mại dịch vụ có chiều cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%;

+ Khu vực bãi đỗ xe tập trung được quy hoạch nằm gần các nhóm nhà ở, đảm bảo thuận tiện tiếp cận với các ô đất hạ tầng xã hội như: TDTT, cây xanh...;

b) Hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nhà vệ sinh di động dự kiến 03 nhà, kích thước (dài x rộng x cao) khoảng 2,0mx1,2mx2,5m; thiết bị chuyên dụng lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải xây dựng.

+ Cầu rửa xe, hố lắng có bố trí vải lọc dầu để thu gom, xử lý nước thải rửa xe.

+ Thi công tuyến rãnh kết hợp hố lắng cặn để thoát nước tạm trên công trường thi công.

- *Giai đoạn vận hành:*

+ Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

+ Hệ thống thu gom nước thải của dự án.

+ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất khoảng 1.300m³/ngày đêm, đặt ngầm dưới bãi đỗ xe của dự án.

+ Các thùng rác đặt dọc các tuyến đường, khu cây xanh để thu gom rác công cộng.

+ Các thùng chuyên dụng lưu chứa chất thải sinh hoạt.

+ Khu vực tập kết rác thải tại ô đất HTKT.

+ Kho lưu giữ và các thùng chuyên dụng lưu chứa chất thải nguy hại.

1.4.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

a) *Hoạt động thi công các hạng mục của Dự án:*

- Hoạt động thu dọn mặt bằng, bóc lớp đất phủ bề mặt đối với diện tích đất lúa, nạo vét bùn hữu cơ.

- Hoạt động san nền, đào đất, thi công xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng phục vụ Dự án.

- Hoạt động vận chuyển chất thải ra khỏi phạm vi công trường.

- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công.

- Hoạt động của công nhân trên công trường.

b) *Giai đoạn vận hành:*

- Hoạt động đi lại của các phương tiện giao thông trên tuyến đường nội bộ.

- Hoạt động của khu công cộng (khu cây xanh, công viên, bãi đỗ xe).

- Hoạt động của dân cư trong dự án bao gồm: 1.843 lô liền kề, biệt thự, nhà ở xã hội, nhà ở hỗn hợp, quy mô dân số khoảng 7.302 người và các công trình hạ tầng xã hội.

- Hoạt động vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Hoạt động của các công trình hạ tầng xã hội.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án chiếm dụng khoảng 25,64 ha đất trồng lúa 02 vụ (LUC), là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Ảnh hưởng của việc thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng 256.376,7 m² đất trồng lúa 02 vụ.

- Hoạt động phát quang, thu dọn sinh khối thực vật; bóc tách lớp đất phủ

trên bề mặt diện tích đất trồng lúa, nạo vét bùn từ các mương tưới tiêu phát sinh chất thải rắn thông thường.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thi công, phế thải và hoạt động thi công xây dựng phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực và khu dân cư giáp ranh.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của phương tiện giao thông: Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động sinh hoạt của 7.302 người dân và công trình hạ tầng xã hội Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Hoạt động vận hành của hệ thống hạ tầng kỹ thuật: bùn thải từ trạm xử lý nước thải, mùi từ hoạt động của trạm xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 2,7 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hoà tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, coliforms.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình rửa xe vận chuyển nguyên vật liệu, rửa dụng cụ, thiết bị trong quá trình thi công xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 5,4 m³/ngày trong giai đoạn thi công các hạng mục công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), váng dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn: Kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng vào nguồn nước mặt trong khu vực.

b) Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh lớn nhất trong phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án là 1.300 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hoà tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, coliforms.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường, mái nhà... kéo theo bụi bặm và các chất ô nhiễm khác vào nguồn tiếp nhận.

3.1.2. Bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Bụi từ quá trình thi công các công trình của Dự án, từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu thi công xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSP.

- Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phương tiện thi công trên công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSP, SO_x, NO_x, CO, VOC.

- Khí thải từ hoạt động hàn, kết nối các kết cấu phát sinh khói hàn. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: CO, NO_x.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động sơn tường. Thông số ô nhiễm đặc trưng: VOC_s.

b) Giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Dự án và từ khu vực bãi đỗ xe. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSP, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- Mùi hôi từ các hệ thống xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Thông số ô nhiễm H₂S, NH₃, Mecaptan, CO₂,... gây ra mùi khó chịu.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng; từ hệ thống gió điều hòa; từ hoạt động đun nấu sử dụng khí gas hóa lỏng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là: TSP, SO_x, NO_x, CO, VOC.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải phát quang thực vật, dọn dẹp mặt bằng phát sinh chất thải thực bì với khối lượng khoảng 358,9 tấn. Thành phần chủ yếu là như rơm rạ, thân, gốc, lá, rễ của sinh khối thực vật...

- Khối lượng phế thải phá dỡ công trình hạ tầng kỹ thuật khoảng 699 tấn. Thành phần chủ yếu là bê tông, gạch ngói, đất, cát đá...

- Khối lượng bùn bể tự hoại từ 02 công trình nhà ở khoảng 10m³.

- Khối lượng chất thải rắn từ quá trình bóc đất hữu cơ và bùn nạo vét mương nội đồng khoảng 96.141,26 m³ với thành phần chủ yếu là đất hữu cơ, bùn,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh chất thải rắn thông thường khoảng 2.172 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bê tông, gạch, đất, cát đá...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường thi công phát sinh khoảng 25,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilon, đồ hộp, thực phẩm thừa,...

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của dân cư, các khu vực cây xanh, cộng đồng, bãi đỗ xe khoảng 6.216 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy, túi nilon, đồ hộp, thực phẩm thừa, đất cát,...

- Bùn thải từ bể tự hoại các hộ dân, khu thương mại - dịch vụ, trường học, công trình công cộng và các cơ quan hành chính trong khu đô thị khoảng 252,4 tấn/năm.

- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải khoảng 296,4 tấn/năm.

3.2.2. Chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị, máy móc phục vụ thi công phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng khoảng 4.133,2 kg/năm (tương đương với 344,4 kg/tháng). Thành phần chủ yếu là giẻ lau dầu mỡ, vỏ hộp đựng sơn, bóng đèn huỳnh quang thải, que hàn thải, vải lọc dầu, dầu mỡ vớt bỏ từ bể lắng nước rửa xe.

b) Giai đoạn vận hành:

Hoạt động tại các hộ dân, khu thương mại-dịch vụ, trường học, công trình công cộng và các cơ quan hành chính trong khu đô thị phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 106,3 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu thải, bao bì thải có thành phần nguy hại, pin-ắc quy thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải; từ máy móc, thiết bị thi công; từ hoạt động thi công, xây dựng.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông, trạm xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng,.....

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt tại công trường thi công 03 nhà vệ sinh di động có tổng dung tích 3m³/nhà được đặt tại khu vực tập trung nhân công sinh hoạt, tùy theo vị trí mặt bằng bố trí tổ chức thi công sẽ đặt tại vị trí hợp lý nhất để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý chất thải khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Xây dựng hồ lắng 3 ngăn để thu gom nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, rửa xe đặt dưới cầu rửa xe, hồ lắng có kích thước 2x2x1,75m (dung tích 7m³), trước cửa thu vào hồ lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác và vải hút dầu để tách văng dầu trên bề mặt. Nước sau khi lắng đọng chất rắn lơ lửng được tái sử dụng để rửa xe, tưới ẩm đường giao thông, giảm thiểu bụi trên công trường thi công. Bùn đất tại bể lắng được nạo vét, phơi bùn và tận dụng để san lấp mặt bằng; vải thấm hút dầu được thay

thể định kỳ, được thu gom khu lưu giữ, xử lý như chất thải nguy hại.

Quy trình: Nước thải từ quá trình rửa xe → Bể lắng 3 ngăn → Lắng cặn → Tuần hoàn rửa bánh xe, làm ẩm vật liệu thi công, tưới nước dập bụi trên công trường.

- Nước thải từ hoạt động thi công: Tạo hệ thống thoát nước thi công và thu gom vào hố lắng dung tích 2m^3 . Nước sau lắng tận dụng để → Tái sử dụng làm ẩm vật liệu, không thải ra môi trường.

Quy trình: Nước thải rửa dụng cụ, thiết bị thi công → Hố ga lắng → Lắng cặn → Tái sử dụng làm ẩm vật liệu.

b) Giai đoạn vận hành:

- Thiết kế hệ thống thoát nước thải riêng, độc lập với hệ thống thoát nước mưa.

- Hướng thoát nước: Các tuyến cống thu gom nước thải và chảy về các tuyến chính sau đó thoát về trạm xử lý nước thải tạm thời tại bãi đỗ xe 03 (BDX-03) có công suất $1.300\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm ở phía Nam dự án, sau khi xử lý đạt yêu cầu theo quy định, xả vào cống hoàn trả thoát nước B x H x N = (2,5 x 2,0) x 2 m phía Nam khu vực quy hoạch. Khi trạm xử lý nước thải tập trung của phân khu hoạt động, trạm xử lý khu vực quy hoạch chuyển thành trạm bơm, bơm nước thải đầu nối theo quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

- Mạng lưới đường ống thoát nước: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Cống thoát nước thải được bố trí phía sau khoảng cây xanh giữa hai dãy nhà, trên vỉa hè, dọc theo các tuyến đường giao thông để thuận tiện trong quá trình vận hành cũng như bảo trì hệ thống. Bố trí ga thăm trên tuyến với khoảng cách theo quy định của từng loại đường kính cống, ngoài ra ga thăm còn được bố trí tại những vị trí cống đổi hướng hoặc tại 1 số vị trí đặc biệt cần đặt ga thăm để thu nước thải. Những đoạn cống qua đường cần được thiết kế đảm bảo tải trọng xe chạy và các yêu cầu an toàn khác. Nước thải từ các lô đất, các công trình trong khu vực dự án được thu gom và xử lý sơ bộ, sau đó được dẫn theo hệ thống thoát nước thải riêng và chảy vào tuyến cống chính của dự án để dẫn về trạm xử lý nước thải tạm của dự án. Trên mạng lưới thoát nước thải bố trí các giếng thoát nước thải có khoảng cách trung bình khoảng từ 20-30m/ga để thuận tiện cho việc thu gom và quản lý vận hành mạng lưới thoát nước thải. Thường xuyên khơi thông hệ thống thoát nước mưa xung quanh khu vực thi công, dọc tuyến thoát nước mưa bố trí song chắn rác; thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường. Che chắn các khu tập kết nguyên vật liệu xây dựng, không tập trung nguyên liệu thi công tại khu vực hệ thống thu gom nước mưa; thường xuyên dọn dẹp công trường thi công, kiểm tra rãnh thoát nước, cống thu gom, nạo vét, khơi thông dòng chảy.

- Trạm xử lý nước thải tập trung công suất $1.300\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

- Quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải tập trung như sau:

Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể MBBR → Bể hiếu khí → Bể tuần hoàn nước thải → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng (ngoài ra còn có bể chứa bùn) → Hố ga quan trắc → Đường ống thoát nước thải HDPE D200 (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột A) → Nguồn tiếp nhận.

- Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án: Kênh tiêu HP3.
- Vị trí điểm xả nước thải vào kênh tiêu HP3 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°): X = 2340210,6, Y = 389909,7.
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Lắp đặt 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với nước thải sau xử lý tại trạm XLNT tập trung trước khi xả ra môi trường, có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu nước thải tự động, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Vận chuyển đúng tải trọng xe, phủ bạt kín thùng xe, không chở quá tải trọng quy định.
- Bố trí công nhân vệ sinh thu dọn đất, cát, chất thải,... rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển khi xảy ra sự cố.
- Lắp dựng hàng rào tôn cao từ 2,5 - 3m xung quanh công trường thi công để cách ly với khu vực xung quanh, chắn bụi.
- Lập kế hoạch nhập nguyên, vật liệu thi công hợp lý, không tập kết quá nhiều nguyên vật liệu tại công trường thi công.
- Chỉ sử dụng những phương tiện được đăng kiểm vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; thường xuyên thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.
- Tưới nước dập bụi và tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất từ 02 - 03 lần/ngày vào những ngày không mưa; tăng tần suất trong mùa khô.
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân.
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn hoạt động tốt để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh.
- Đối với bụi từ quá trình bả, làm sạch bề mặt công trình xây dựng, sử dụng các tấm lưới lớn, tấm bạt che phủ toàn bộ công trình, tránh thi công vào thời điểm có gió lớn; sử dụng các máy móc chà nhám có đầu hút và thu gom bụi tại đầu chà để thu gom toàn bộ bụi.
- Bố trí công nhân vệ sinh thu dọn đất, cát, chất thải,... rơi vãi trên khu vực thi công và đường tiếp cận.

b) Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện quét dọn, vệ sinh sạch sẽ các trục đường giao thông hàng ngày.
- Phun nước tưới ẩm đường giao thông nội bộ thường xuyên, nhất là vào mùa khô.
- Bảo đảm đầy đủ diện tích cây xanh tập trung, cây xanh cách ly, cây xanh dọc tuyến đường giao thông khu đô thị vừa tạo cảnh quan, vừa góp phần thu lọc bụi, làm sạch không khí và giảm tiếng ồn.
- Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý mùi từ trạm XLNT tập trung của dự án theo đúng thiết kế. Quy trình thu gom và xử lý mùi của trạm XLNT tập trung như sau: Khí thải, mùi → Tháp hấp thụ (NaOH) → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Quạt hút → Môi trường. Mùi, khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Các loại chất thải như lon, giấy, đồ hộp,... được công nhân thu gom riêng sau đó tận dụng bán cho cơ sở thu mua, tái chế; Các chất thải rắn hữu cơ và chất thải còn lại được thu gom vào 06 thùng chứa rác dung tích 60 lít/thùng, có nắp đậy. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý theo quy định (tần suất 01 ngày/lần).

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau, đối với chất thải không tận dụng: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Toàn bộ đất bóc hữu cơ bề mặt được sử dụng để đắp trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

+ Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng được phân loại và xử lý như sau: chất thải rắn như bao bì, vỏ bao xi măng, đầu mẫu sắt thép thừa... được thu gom, bán cho các đơn vị thu mua, tái chế; các chất thải xây dựng như gạch vỡ, vữa dư thừa, đất đào mặt bằng dự án,... được thu gom, đập nhỏ và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng (*trừ vị trí thi công đường giao thông sẽ không tận dụng chất thải này*).

+ Các chất thải khác không tận dụng sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định, tần suất 03 tháng/lần.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân sinh sống trong khu nhà ở liền kề của khu đô thị, các hộ dân có trách nhiệm thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, tự thu gom rác thải sinh hoạt trong phạm vi hộ gia đình và cuối ngày đơn vị vệ sinh môi trường địa phương đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, đảm bảo rác thải được thu gom trong ngày, không để tồn lưu gây ô nhiễm môi trường.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các khu thương mại - dịch vụ, các trụ

sở, cơ quan hành chính trong khu đô thị, các đơn vị này tự tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, bố trí khu vực lưu chứa tạm thời phù hợp và ký hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường địa phương để thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định hiện hành.

+ Đối với chất thải rắn phát sinh tại các khu vực công cộng và dọc theo các tuyến đường nội bộ, bố trí các thùng chứa rác chuyên dụng có nắp đậy, đặt cách nhau khoảng 100 m để thu gom rác thải sinh hoạt và rác thải công cộng. Toàn bộ lượng chất thải này được đơn vị vệ sinh môi trường địa phương thu gom định kỳ, vận chuyển và xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt của khu đô thị, đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bùn nạo vét định kỳ từ các hồ ga trên hệ thống thu gom nước mưa, rác thải từ thiết bị tách rác của Trạm xử lý nước thải tập trung, cắt tỉa cây xanh, sửa chữa hạ tầng được chủ dự án thu gom, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Các loại chất thải có thể tái chế chủ dự án ký hợp đồng bán cho đơn vị có chức năng theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Bố trí các thùng chứa có nắp đậy dung tích 80-100 lít/thùng. Các thùng chứa được dán tên chất thải, mã số chất thải. Các chất thải này được lưu trong kho chứa diện tích 30m².

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (*tần suất 06 tháng/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh nhưng không quá 01 năm/lần*).

b) Giai đoạn vận hành:

- Đối với chất thải phát sinh từ hoạt động quản lý, vận hành CCN:

+ Bùn thải từ quá trình xử lý khí thải của trạm xử lý nước thải tập trung: được lắng tại ngăn lắng của bồn hấp thụ NaOH, được hút trực tiếp đi xử lý.

+ Các chất thải nguy hại khác: Chủ dự án bố trí 10 thùng chứa dung tích 120 lít/thùng để lưu giữ riêng các loại CTNH đặt trong kho chứa CTNH có diện tích 15 m², bố trí tại khu vực ô đất HTKT của dự án.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (*tần suất 06 tháng/lần hoặc có thể thay đổi tùy tình hình thực tế*).

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân thi công tại công trường như: Bịt tai, găng tay, ủng, quần áo, mũ bảo hộ,...

- Không sử dụng các máy móc có mức ồn lớn hơn 70 dBA (đo cách máy 2m).

- Chống rung bằng biện pháp: cân bằng máy, lắp bộ tắt chấn động lực; Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối

đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su,... được lắp giữa máy và bệ máy đồng thời được định kỳ kiểm tra hoặc thay thế.

b) Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh theo đúng quy hoạch được phê duyệt; xây dựng quy chế hoạt động khu dân cư, tuyên truyền người dân hạn chế các hoạt động phát sinh tiếng ồn lớn vào thời gian nghỉ ngơi.

- Hạ tầng kỹ thuật được duy tu, bảo dưỡng định kỳ; quy định tốc độ lưu thông các phương tiện trong khu vực dưới 30 km/giờ, bố trí gờ giảm tốc và tổ chức phân luồng giao thông hợp lý trên các tuyến đường nội bộ.

- Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ hoạt động giao thông nội bộ, khu vực máy phát điện dự phòng và hệ thống xử lý nước thải. Để giảm thiểu tiếng ồn giao thông, trồng cây xanh dọc các tuyến đường và công trình công cộng, đảm bảo mật độ theo quy định. Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng khép kín; phòng đặt máy thổi khí có tường bê tông dày, cửa kín, các thiết bị được kê đệm cao su để giảm rung. Khu vực máy phát điện dự phòng được lắp đặt đầy đủ các biện pháp kỹ thuật như cách âm, chống rung, quạt thông gió và hệ thống thoát khí, đảm bảo không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Trong quá trình Khu đô thị đi vào vận hành phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2025/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm.... Thắp đèn chiếu sáng và lắp đèn tín hiệu cảnh báo tại đoạn đường có công trường thi công khi trời tối.

- Bố trí người điều khiển phương tiện giao thông trong giờ cao điểm và trong giai đoạn hoạt động của các phương tiện thi công tránh xảy ra sự cố.

- Phân luồng giao thông, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc, treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ trong khu vực thi công tránh các tai nạn đáng tiếc.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động. Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt.

- Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện (*áp tô mát bản vệ ngăn mạch và ngăn mạch trạm đất, ...*).

- Đề ra các nội quy lao động, hướng dẫn vận hành máy móc, thiết bị an toàn, đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân vi phạm.

- Thuê đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom mìn, vật liệu nổ; công tác rà phá bom mìn phải được hoàn tất trước khi tiến hành khởi công dự án.

- Thành lập Ban chỉ huy và thường xuyên tổ chức tập huấn định kỳ về công tác phòng cháy, chữa cháy. Việc sử dụng các thiết bị, máy thi công dùng điện phải theo đúng các quy định về an toàn điện. Từng khu vực có cầu dao riêng, khi nghỉ hoặc lúc ra về phải ngắt cầu dao. Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

- Thường xuyên nạo vét công rãnh định kỳ, không để chất thải, vật tư, vật liệu gần khu vực công thoát nước.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện hỗ trợ phòng chống bão lũ.

b) Giai đoạn vận hành:

** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải tập trung:*

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được duyệt, đảm bảo quy trình vận hành các khâu đúng kỹ thuật, đảm bảo định mức hóa chất.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải thường xuyên, để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ và kịp thời.

- Bố trí máy phát điện dự phòng cho trạm xử lý nước thải tập trung. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể của trạm XLNT tập trung đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố xử lý nước thải. Khi xảy ra sự cố, tiến hành tạm dừng hoạt động của trạm XLNT tập trung để kiểm tra, khắc phục, sửa chữa. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột A trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho trạm XLNT tập trung của Dự án.

** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, chập điện:*

Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy và các quy định khác có liên quan; lắp đặt đầy đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai:*

- Tuân thủ các phương án quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, nước thải, đảm bảo cao độ san nền và xây dựng hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống công rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường nêu tại Mục 4 trong Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện dự án.

5.2. Giám sát môi trường:

5.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

* Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí vị trí trong khu vực xây dựng.
- Thông số giám sát: SO₂, CO, NO₂, bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. QCVN 27:2025/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

* Giám sát việc thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải:

Giám sát việc thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2.2. Giai đoạn vận hành:

a) Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Sau khi hoàn thiện các hạng mục công trình của dự án, chủ dự án có trách nhiệm lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường cho dự án và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành ổn định:

* Giám sát nước thải tự động, liên tục:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau xử lý và truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.
- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni.
- Tần suất giám sát: Tự động, liên tục 24/24 giờ.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT, cột A trước khi thải ra ngoài môi trường.

* Giám sát định kỳ nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau xử lý.
- Thông số giám sát: Tất cả các thông số theo QCVN 14:2025/BTNMT, cột A (trừ các thông số đã giám sát tự động, liên tục).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

* *Giám sát nước thải khi trạm quan trắc tự động, liên tục gặp sự cố:*

Trong thời gian thiết bị quan trắc tự động ngừng hoạt động từ 48 giờ trở lên, chủ dự án thực hiện quan trắc theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

* *Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:*

Giám sát việc thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường sau đây:

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường. Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Đối với phương án sử dụng đất màu béc bề mặt, chủ dự án phải thực hiện các thủ tục về phương án sử dụng đất màu trước khi triển khai dự án, đảm bảo theo quy định.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 198/TTr-SNNMT ngày 13/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.